

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THỦY
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 01- 2024

V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông, Ông Ngọc Lễ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hà Bắc;

Ông Đoàn Trung Tuyển.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngoan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 195/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:111/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Vũ Đình S, sinh năm 1973; địa chỉ: N cư trú: TDP H, thị trấn Q, huyện G, tỉnh Nam Định; chỗ ở hiện nay: Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. “vắng mặt”

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1976; địa chỉ: TDP H, thị trấn Q, huyện G, tỉnh Nam Định “vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh Vũ Đình S trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị N tự nguyện tìm hiểu, được UBND thị trấn Q, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24-02-2017. Trước khi được cấp giấy đăng ký kết hôn anh và chị N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2011. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình vợ chồng không hợp. Nay

anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau được nữa nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị N

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung.

Về tài sản: Vợ chồng không có.

Tại biên bản làm việc ngày 30-3-2023 đại diện chính quyền thị trấn Q cung cấp: Anh Vũ Đình S và chị Nguyễn thị N1 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Q vào năm 2017. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa anh S và chị N1 là do hai bên không hợp nhau; về con chung: Vợ chồng chưa có con chung; không vướng mắc gì về kinh tế đối với địa phương. Nay anh S có đơn ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh Vũ Đình S ly hôn với chị Nguyễn Thị N; về án phí: Căn cứ điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí tòa án để tuyên án phí đối với đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và lời khai của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Vũ Đình S có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; chị Nguyễn Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Đình S và chị Nguyễn Thị N tự nguyện tìm hiểu và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Q, huyện G, tỉnh Nam Định vào ngày 24-02-2017 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh Vũ Đình S và chị Nguyễn Thị N đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận nguyện vọng của anh S xin ly hôn chị N là phù hợp.

[3] Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung.

[4] Về tài sản: Anh S không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Anh S phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm; Anh S, chị N có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử lý hôn giữa anh Vũ Đình S và chị Nguyễn Thị N.

2. Về án phí ly hôn: Anh Vũ Đình S phải nộp 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền anh S đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0001544 ngày 23-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy (anh S đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm).

4. Về quyền kháng cáo: Anh Vũ Đình S và chị Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- VKSND tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND thị trấn Quất Lâm;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ông Ngọc Lễ

